

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 8 (Phần Đầu)

BẢN LUẬN QUYỂN 33

Thứ tư, trong văn xứ Du-già, trước có hai bài tụng nêu hai môn ấy. Sau, dựa vào môn để nói.

Nói hai môn:

- 1) Thu hưởng thế gian.
- 2) Thu hưởng xuất thế gian.

Thế gian, tức là chế phục “hoặc” được định, tu công đức hữu lậu của năm thông thế gian v.v...

Xuất thế, tức là mười sáu hạnh Thánh, cho đến được quả công đức vô lậu.

Nay, nói tu tập hai công đức này, tức là Thế của Du-già thứ tư. Pháp sư Cảnh nói: “Bài tụng trước nêu Du-già thế gian. Bài tụng sau, nói về Du-già xuất thế gian.

Y cứ Du-già đầu tiên, gồm có sáu môn:

- 1/ Nói về bảy thứ tác ý chế phục “hoặc”.
- 2/ Biện biệt rộng về tám Định.
- 3/ Nói về vô tướng, Diệt Định.
- 4/ Biện biệt về năm thông.
- 5/ Nói về đời đời khác nhau của công đức hữu lậu.
- 6/ Nói về tướng của người lìa Dục.

Trong phần nói về hạnh xuất thế của bài tụng sau biện biệt, quán sát các Đế tức Kiến đạo trở xuống, là vẫn còn khởi tác ý Thắng giải của tướng liễu. Tác ý tướng liễu ở Niệm Xứ chung, riêng của năm pháp quán tâm. Tác ý Thắng giải ở bốn thiện căn, đều quán bốn Đế.

Như thật mà thông suốt, tức ở Kiến đạo xa lìa tác ý, thấu suốt chân như của bốn Đế, dứt trừ hẳn kiến hoặc.

Phân biệt rộng về người tu, tức là tác ý quán sát, quán sát hai “hoặc” mà kiến, tu dứt trừ, lại khởi gồm thâu tác ý ưa thích, tiến tới dứt

hai quả trong “tu hoặc”, cho đến tiến tới dứt tám phẩm của Phi tướng xong, trở lại “tu hoặc”.

Lại nữa, khởi tác ý gia hạnh rốt ráo, tức là định Kim Cương dụ của đạo Vô gián thứ chín của Phi tướng.

Rốt ráo là sau kia, tức là quả vị rốt ráo của gia hạnh, ở vô học, tận trí vô sinh. Pháp sư Khuy Cơ nói: 1- Một bài tụng nói về một Trì có bảy Môn. 2- Một Hạnh nói về bảy tác ý trong môn đầu, trước nói về bảy môn:

- 1- Tác ý.
- 2- Lìa dục.
- 3- Nói rộng các Định.
- 4- Hai Định.
- 5- Năm thông.
- 6- Sinh ra khác nhau.
- 7- Các tướng ra khỏi, Trì thứ tư, lấy đây làm thể.

Trong quyển ba mươi mốt, ba mươi hai ở trước đã nói chương tịnh thứ tư. Nay, giải thích tu tác ý thứ năm, tức đại văn trong quyển ba mươi. Nay dựa vào phán quyết ở trước, nói theo môn thì: 1/ Giải thích sơ lược hai môn. 2/ Hỏi: “Trong đây có bao nhiêu thứ v.v...” trở xuống, là nói rộng.

Trong phần trước, đã được tác ý, các sư Du-già đã hội nhập phần ít ưa đoạn như thế. Đây tức là kết phần đã nói ở trước. Người mới tu nghiệp đã được phần ít bảy tác ý thuộc về Địa Định, ưa dứt phiền não, ưa chứng Niết-bàn. Từ đây về sau, người mới tu nghiệp chỉ có hai thu hưởng.

Trong phần nói rộng, đại văn chia làm hai:

- 1/ Đầu quyển này, nói về thú hưởng thế gian.
- 2/ Giữa quyển nói về thu hưởng xuất thế gian.

Trong phần ở trước:

- a) Nói lược sáu môn.
- b) Nói rộng sáu môn.

Trong phần trước, đại khái có bốn thú hưởng đến thế gian, phát khởi gia hạnh. Người thứ tư kia, nghĩa là tất cả Bồ-tát ưa chứng Đại Bồ-đề ở đời đương lai, chẳng phải hiện pháp. Pháp sư Cơ nói: “Đại ý ở đây nói quả Phật đương lai của Bồ-tát, chẳng phải pháp hiện tại. Đạo thế gian có thể hiện pháp gia hạnh, chỉ ở ngay trong sinh tử thành tựu chúng sinh nơi đạo gia hạnh của thế gian. Người nữ nếu tâm hướng đến quả vị Phật ở tương lai, thì hãy phát gia hạnh ngay đạo xuất thế. Nay,

nghĩa trước, lại có hai thứ:

1/ Còn trói buộc: là các phàm phu.

2/ Không còn trói buộc là các vị Hữu học.”

Hỏi: “Thế nào là Hữu học ưa thu hưởng thế gian, phát khởi gia hạnh ư?”

Giải thích: “Thứ hai, thứ tư trong bốn người, phát tâm trở lên đều gọi là Học. Từng phần điều-phục “Tu hoặc”, gọi là không còn trói buộc, nghĩa là ở trước đối với Cõi Dục, quán là tánh v.v... thô, tức là lược phân tích bảy tác-ý lìa dục và các định. “Lại nương tựa Tĩnh lự v.v...” Trở xuống, là phân tích sơ lược về bốn môn sau. Pháp sư Thái nói: “Có bốn hạng người khởi sáu công hạnh điều-phục “hoặc”:

1/ Các ngoại đạo.

2/ Người tu hành định lâu trong nội pháp, chỉ dùng sáu hạnh để điều-phục các triền hiện-tại.

3/ Dù bản tánh Noãn v.v... nhạy bén, nhưng Noãn v.v... không nóng, vì không thành tựu, nên không thể khởi quán Đế, lìa dục, lại khởi sáu hạnh, điều-phục “hoặc”, khởi định, hoặc sinh lên Địa trên.

4/ Đại Bồ-tát để lại “hoặc”, vì chưa diệt hết, nên khởi sáu hạnh. Điều-phục các phiền-não mà phát thân-thông. Lại, nói rằng, “Hữu-học đã dứt bốn địa “hoặc”, vì có thể khởi Diệt Định, nên người Bất Hoàn cũng khởi sáu hạnh.” Đây là ngài Luận-Chủ nêu định vô tâm đáp lại câu hỏi trước: “Làm sao các quả sơ, nhị Hữu học lại không thể điều-phục “hoặc” để được định căn bản ? Nếu được định căn bản, thì ra được Diệt định? Dù đưa ra cách giải-thích này, vẫn không thuận với cách hành văn. Vì lẽ, trong đây dù nói về pháp hạnh của Thanh-văn, nhưng tổng kết hiện pháp lạc trụ, thế gian khởi gia hạnh, nên biện minh Đại Bồ-tát vì lìa dục cõi Dục trở xuống, là thứ hai, nói rộng sáu môn, tức là sáu đoạn. Đầu tiên, giải thích bảy tác-ý lìa dục có hai:

1/ Nói về bảy tác-ý lìa dục cõi Dục.

2/ Nói bảy thứ tác-ý lìa sơ Tĩnh-lự trở lên, cho đến dục của Vô Sở Hữu Xứ.

Trong phần trước, trước là nêu, chung, sau là giải thích riêng, trong đó có bốn:

1/ Theo thứ lớp, giải thích riêng bảy tác-ý.

2/ Nói khi tác-ý chuyển biến, sự mừng vui tăng dần, cho đến đầy đủ trụ đối-trị tu quả.

3/ Giải-thích lại tác-dụng sai khác của tác-ý.

4/ Nói cung bốn tác-ý gồm nhau.

Y theo đoạn đầu, trước là giải thích về tác-ý nghĩa là liễu tướng , hiểu rõ tướng thô cõi Dục, tướng tĩnh lặng của Sơ tĩnh lự.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trong Tiểu thừa, giải thích sáu hạnh đều phải tác-ý. Nay, Đại-thừa chỉ một hạnh là được ngay, không cần đủ sáu hạnh, tác-ý bất cứ một thứ nào trong sáu hạnh, thuận với chỗ Tạc-thọ, thì chỗ tham-dục nương tựa, là chỗ tướng, tâm đảo nương tựa. Pháp sư Cảnh nói: “Đại thừa y cứ ở nghĩa tham để nói tướng đảo, kể cả tâm-đảo, nên chỗ tham nương tựa tức là tướng đảo, chỗ tâm đảo nương tựa. Thuận với chỗ không khổ, lãc thọ là chỗ ngu si nương tựa. Cho đến là chỗ Kiến đảo nương tựa. Nhân si khởi kiến, nên chỗ si nương tựa, tức là chỗ kiến đảo nương tựa. Trong đây, chủ-thể duyên, gọi là dục phiền não; đối tượng duyên, gọi là dục sự”.

Trong cộng tướng của Dục tầm, Từ nói rằng, tất cả dục, nghĩa là khổ sinh v.v... cho đến khổ cầu mong không được, không nói hành khổ thứ tám. Pháp sư Cơ nói: “Trong đây, y cứ vào thế gian đều biết mà nói, không y cứ ở khổ thắng-nghĩa để nói khổ thắng-nghĩa này, là tất cả dục và các sự đều có, nhưng khó biết, cho nên không nói.”

Nay, giải thích bỏ cái chung, y cứ riêng, nên lược qua không nói. Trong phẩm thô của các dục Tầm, từ nói rằng: “Cũng như bộ xương, cho đến như quả thọ đoan, đây là y cứ ở tám dụ để nói về lỗi.” Luận sư Thái Cơ cùng cho là trong đây, như bộ xương có thể xấu ác, như máu đọng lại, thịt không chắc, có thể xấu; như đuốc cỏ tắt trong phút chốc; như một phần lửa tro có thể đốt cháy núi, đằm; Một chút dục có thể tiêu diệt rất nhiều gốc lành. Pháp khác, như trước đã nói.

Lại, giải thích: “Dùng thân xúc chạm lửa, bèn trở thành bệnh nặng; trong không xúc chạm phải lửa, lại trở thành niềm vui kia. Dục cũng như thế”. Lại, nói “Như một phần tro có lửa, một phần không có lửa, có thể chán ghét”. Nghĩa này không đúng. Vì trong lý thô của Dục Tầm, Từ. Pháp sư Cảnh “Nói: Do tư tưởng lớn, theo đuổi, cầu mong v.v... lớn là đạo lý quán đãi. “Ăn có công năng đối trị khổ đói khát v.v...” trở xuống là nói về đạo lý tác dụng. Lại, các dục kia có hiện lượng, tỉ lượng của lượng Chí giáo, minh chứng thành đạo lý”. Lại, các dục đó từ vô thủy đến nay v.v... ” trở xuống, là nói về đạo lý “pháp nhĩ”. Nay, phán xét đạo lý tác dụng thứ hai, từ “Lại, các dục kia dù khéo sinh khởi, dù khéo tăng trưởng, cho đến vì trừ bệnh, nên uống thuốc tạt nạp dơ bẩn, là văn này. Còn lại như sắp xếp ở trước”.

Pháp sư Thái nói: “Nội Xứ cõi Dục có sắc căn, thân thô nặng không đồng với cõi Sắc, tế, nhẹ. Nuôi nặng thì dùng đoạn thực, mặc,

thì dùng xiêm y. hoặc bị người khác phá hoại, cắt đứt; hoặc là chết mất, pháp tánh tự nhiên lìa tan, tiêu diệt. Hoặc là thân mình, tùy theo đối tượng sinh khởi các thứ khổ não, thường phải đối trị.

Giải thích về tác ý xa lìa rằng: “Sinh khởi dứt đạo phiền não. Pháp sư Cơ giải thích: “Hai tác ý trước không nói dứt trừ “hoặc”, tác ý viễn ly thứ ba, dứt trừ được phiền não, nên nói trước hết sinh đạo đoạn.

Hỏi: “Như chiếc cân hai đầu thấp, lúc ngang thì đồng nhau. Vì sao được tướng liễu, mà tâm cõi Sắc vẫn còn có “hoặc” của cõi Dục chưa dứt hết?

Thuật rằng: “Hiểu rõ tướng trở xuống là nghe, tư duy cõi Dục dù cho nhằm chán dục nhưng chưa thể thuận theo dứt “hoặc” cõi dưới. Liễu tướng thắng giải kia có thể thuận với xa lìa, dứt cõi Dục dưới, nên, hiểu rõ tướng thắng giải dù không dứt “hoặc” mà “hoặc” bất sinh, như người sơ quả chưa lìa dục tu mà được Vị Chí. Nay liễu tướng cũng thế. Chưa lìa “hoặc” v.v... của phẩm dưới, thì được tướng liễu. Khi tướng liễu khởi, tùy “hoặc” bất sinh, như lúc tâm thiện sinh, tâm ác không khởi, vì chẳng phải dứt, nên không khởi, vì tác ý xa lìa đã dứt, nên không khởi, vì tác ý sơ, nhị vẫn còn nên chưa dứt đối với địa vị Sơ, Nhị.

Nếu có gián đoạn khởi dục ác thì trong giải thích hai tác ý sau, Pháp sư Khuy Cơ lại giải thích rằng: “Giải thích về tác ý rốt ráo gia hạnh nói: “Do nhân duyên này, từ hệ thuộc cõi Dục, cho đến gọi là tác ý rốt ráo gia hạnh, nghĩa là trong đây giải thích về sáu hạnh điều phục “hoặc” không được chứng đạo Vô gián ở trên, cho nên nói tạm thời phục đoạn. Phục đoạn này, nghĩa là hoặc điều phục tâm phẩm trên, hoặc điều phục hạt giống, cả hai đều phải điều phục. Làm sao biết được? Trong giải thích về tác ý sơ, nhị nói: “Tác ý thứ hai không bị nghe, tư duy xen lẫn. Dù “hoặc” bất sinh, vì chưa điều phục tâm trên, nên chưa được gọi là đạo Vô gián. Đến điều phục hạt giống trong tác ý thứ ba, công năng của quả hiện hành sinh trên, mới gọi là đạo Vô gián, đây gọi là hạnh hữu lậu. Nếu là hạnh vô lậu thì phải dứt hạt giống, mới gọi là đạo Vô gián, dù tâm phẩm thượng không sinh vẫn là đạo Phương tiện. Nay, ở đây cũng thế, điều phục tâm phẩm thượng là đạo Phương tiện, điều phục hạt giống là đạo Vô gián.

Tác ý thứ bảy từ đạo Vô gián này, do nhân duyên này chứng nhập Định v.v... của sơ tinh lự căn bản. Trong đây, ý của luận nói là đạo giải thoát thứ chín ở tinh lự căn bản; chín đạo Vô gián trước và tám đạo giải thoát đều ở trong định cận phần. Trong vấn đề này, có hai cách giải thích:

1/ Bắt đầu từ Sơ tinh lự cho đến đệ Tam thiên, chín Vô gián, chín giải thoát, hoặc ở giải thoát thứ chín trong cận phần; hoặc ở trong định căn bản. Nếu Bốn thiên trở lên, thì đạo giải thoát thứ chín nhất định ở trong định căn bản. Tám giải thoát trước, chín Vô gián trong cận phần. Vì sao? Vì ba tinh lự trở xuống, là căn bản có Hỷ, Lạc, nên trong Địa cận phần có Xả. Trong Địa căn bản, hoặc đi vào quán, hoặc dứt trừ “hoặc”, đều không có Xả thọ, do pháp tối tăm, nên quyết định không có, vì hỷ, Lạc sáng suốt, nhạy bén, nên có. Trong cận phần của địa kia, hoặc dứt trừ “hoặc”, hoặc đi vào quán, đều có Xả, chỉ đi vào quán được có Hỷ, Lạc. Hỷ, Lạc chẳng có khi nào dứt “hoặc”.

Ba tinh lự trở xuống, là có hai người lợi, độn khởi đạo giải thoát Vô gián. Nếu là người lợi căn, thì đạo Vô gián thứ chín ở cận phần tương ứng với xả. Đạo giải thoát thứ chín ở định căn bản, tương ứng với hỷ lạc. Nếu người độn căn, thì đạo Vô gián thứ chín sẽ ở Cận phần, tương ứng với xả, vì tâm chậm lụt, không thể nhanh chóng nhập định căn bản tương ứng với hỷ lạc. Đạo giải thoát thứ chín kia, tức ở định cận phần, tương ứng với xả.

Nay nói tác ý thứ bảy nhập định căn bản, tức y cứ ở người lợi căn, nhanh chóng có thể nhập căn bản, tương ứng với Lạc v.v... Tác ý thứ bảy này lấy ba tinh lự. Nếu ở Cận phần là đạo Giải thoát, tức tương ứng với Xả thọ. Nếu có định căn bản, là đạo Giải thoát sẽ tương ứng với Lạc v.v... Tinh lự thứ tư kia trở lên, tám giải thoát trước, chín Vô gián đều ở trong Cận phần. Nếu trong giải thoát thứ chín, tất nhiên, ở trong định căn bản, chứ chẳng phải ở Cận phần, đây là thắng nghĩa.

2/ Lại, nói rằng: “Nếu không phân biệt như thế, thì chín đạo Vô gián trước, tám giải thoát ở trong Cận Phần, đạo Giải thoát thứ chín ở trong định căn bản, bắt đầu từ sơ tinh lự cho đến Phi tưởng cũng thế. Vậy thì, nghĩa trước lấy gì làm chứng? Nếu giải thích chung về chỗ không phân biệt sáu tác ý trước là cận phần thì thứ bảy là căn bản, chỉ nói rằng, lấy chỗ đạo giải thoát Vô gián làm chứng. Chưa thấy văn nào lấy sự phân biệt làm mẫu nhiệm, nên nghĩa sau, chính là lấy văn này làm chứng. Chỗ trước hội nhập văn này, như trước đây đã giải thích về người lợi, độn. (Đến trong Không xứ dưới đây sẽ giải thích rộng.”

“Lại, đối với xa lìa gồm sáu tác ý lạc lúc chuyển biến hiện tại v.v... ” trở xuống, là thứ hai, thuyết-minh khi bốn tác-ý chuyển biến, Hỷ, Lạc đầy đủ, trụ ở quả đối-trị.

Hỏi: “Vì sao trong bảy tác-ý chỉ thuyết-minh bốn tác-ý này là có sự thích hợp vui vẻ kia?”

Giải thích: “Xa lìa, gồm thâm rốt ráo gia hạnh lạc, ba thứ tác-ý này là đạo vô-gián, vì trực tiếp bỏ đi sự thô, nặng, nên thêm thích hợp vui vẻ. tác-ý của quả rốt ráo gia-hạnh dù chẳng phải đạo Vô-gián, nhưng chính có công năng dứt “hoặc”, mà là giải thoát, vì đầu tiên lìa đục rốt ráo, thêm thích hợp, vui vẻ nhiều, cho nên, nói riêng. Hai tác-ý trước trong ba tác-ý khác là đạo gia hạnh. tác-ý quán sát là đạo Thắng-Tấn, không đồng với bốn tác-ý ở trước, cho nên không nói.

Lại, “tác-ý liễu tướng đối với chỗ nên dứt bỏ,” trở xuống, là thứ ba, giải thích lại tác dụng khác nhau của tác-ý. tác-ý liễu tướng biết rõ về đục ác nên dứt trừ; lẽ ra Tĩnh lực được. tác-ý quán sát về giới hạn hiểu biết, lìa tăng-thượng-mạn. Năm tác-ý còn lại như văn.

Pháp sư Thái nói Tiểu-thừa thừa nhận chung về định Vị-chí không có Hỷ, Lạc thọ. Nay, theo luận này nói về Hỷ, lạc thọ: Xa lìa gồm thâm lạc, dứt phẩm Sơ và Nhị, ở định Vị-chí, Hỷ, Lạc đều hiện hành, nhưng vì Xả đã gián đoạn, nên thường khởi gia hạnh rốt ráo đều hiện hành Hỷ, Lạc, chưa khắp thân phần, cũng ngăn cách với Xả. Lúc kết quả, Hỷ, Lạc thường nối tiếp nhau khởi, nên không nói là luôn luôn. Pháp sư Cơ nói: “Hai tác-ý trước đều là đạo gia hạnh. Nay, ở đây chỉ lấy Thắng-giải làm chánh gia hạnh, nghĩa là nay, y cứ ở Xứ trên vượt hơn và tiếp cận chỗ của đạo Vô gián và không bị chỗ gián đoạn của nghe, tư duy, để nói, cho nên chỉ nói thắng-giải là chánh gia-hạnh. Quyển 28 ở trước y cứ ở sự thật để nói. Hiểu rõ tướng cũng là gia hạnh.

Lại giải-thích đây là chính thức phát gia-hạnh, chưa hẳn phân biệt rõ tướng chẳng phải đạo Gia hạnh, vì thắng-giải vượt hơn cận phần, nên nói định chính phát gia hạnh. Và lại, nói thắng-giải là chánh gia hạnh, không ngăn ngừa sự hiểu rõ tướng, y cứ sự thật, nên không trái. Lại, vì sao dứt phẩm thượng nói là không nói lìa tăng thượng mạn? Lại, không dứt phẩm thứ ba, về sau, nói là lìa tăng thượng mạn? Mà dứt ở phẩm trung, hạ, về sau, nói là lìa tăng thượng mạn?

Có nghĩa là Sáu phẩm “hoặc” trước thô, dễ biết; ba phẩm “hoặc” sau tế khó hiểu. Dứt “Hoặc” của phẩm trung, thượng ở trước xong, không biết “hoặc” phẩm hạ khác vẫn tồn tại, bèn khởi Tăng-Thượng-Mạn cho rằng, chín phẩm đều dứt “Hoặc” hết, đã tu chứng, được căn bản định. Nay, lìa mạn này, nêu sau phẩm “Hoặc” trong đoạn, nói là lìa Tăng-thượng-mạn, chẳng phải sau phẩm thượng, nói là lìa. Lại, “Nếu tác-ý liễu tướng” trở xuống, là thứ tư, đem sáu tác-ý với bốn tác-ý và hai trị nhàm, đoạn nhiếp thuộc nhau. Pháp sư Khuy Cơ giải thích, nay trong đây ý nói thuộc về bốn mươi tác-ý và bốn thuộc về đối trị. Về bốn

mười tác-ý như quyển mười một ở trước đã giải thích. Nay, nói rằng, tác-ý liễu tướng, hoặc tác-ý thắng-giải, đều gọi là tác-ý Tùy-thuận đối-trị nhằm chán, hư hoại đều hiện hành, HAI tác-ý trước là Tùy-thuận. Lại, nếu tác-ý xa lìa, tác-ý rốt ráo gia hạnh, gọi là tác-ý đối-trị và đoạn đối-trị đều hiện hành thì tác-ý đối-trị phải là hai mươi sáu. tác-ý đối-trị, nghĩa là do đối-trị này, nên chính Xả các “hoặc”, là hai đạo Vô-gián này; cho nên gồm thâu tác-ý đối-trị.

Lại, thâu về tác-ý lạc gọi là tác-ý đối-trị và tác-ý thuận thanh-tịnh, về tác ý thuận thanh tịnh phải là 27 tác-ý thuận thanh tịnh, nghĩa là tu sáu Tùy-niệm, tức Niệm Phật v.v... Hoặc gồm thâu tác-ý Lạc đoạn “hoặc” phẩm trung, nên gọi là tác-ý đối-trị, để nói về “duyên” sáu Niệm, tu lạc riêng, quán Niết-bàn Thanh-tịnh, Phật v.v... cũng gọi là thanh-tịnh. Vì “duyên” riêng ở đây, nên không cùng viễn ly đồng một chỗ mà nói. Lại, xa lìa ở trước v.v... vì không gồm thâu tác-ý thuận thanh-tịnh, nên hai tác-ý này đồng gồm thâu.

“Vì sao trong đây không gồm thâu bốn đối-trị?”

Nghĩa là: “Vì ảnh hưởng, ở đây nói đoạn “hoặc”, chỉ xa lìa, nên biết là đối-trị.”

“Nếu vậy, thì vì sao không nói là “Câu hành”?”

Nghĩa là: “Đối-trị là tuệ; tác-ý là Ý. Văn trước lại gồm thâu đối-trị. Ý và tuệ đều vận hành, nên gọi là “câu hành”.

Nay, trong đây chỉ nói tác-ý không nói đối-trị, vì không có tuệ nên không nói câu hành. Lại nếu tác ý quán sát gọi là tác ý thuận Quán-sát, phải biết là 28 tác-ý thuận Quán-sát, nghĩa là quán các phiền não đoạn, và quán “hoặc” chưa dứt trừ, đạo lý các pháp đã chứng ở trước, đối-trị này so với trước, cũng là đối-trị viễn phần trì. Nay, vì lược qua nên không nói. Đối với xa lìa ở trước, vì là kia tiến đạo nên gọi là đối-trị phần xa. Đối với gồm thâu tác-ý Lạc, là vì đạo giải-thoát, nên là đối-trị trì. Nay vì từ sau gồm thâu lạc mới nói, nên không nói đối-trị gồm thâu nhau.

Vì ở trước đã không gồm thâu nhau, nên lại nói rằng: “Như thế, bốn thứ tác ý, còn lại phải biết là xếp vào sáu tác ý, nghĩa là tác ý tùy thuận v.v...”

Nghĩa là: “Bốn tác ý là ngoài bảy tác ý, nên gọi là “khác”. Bốn tác ý này là tác ý trong bốn mươi tác ý. Nay, xếp vào sáu trong bảy tác ý, nên nói xếp vào sáu tác ý, cho nên nói xếp vào sáu tác ý.”

Hỏi: “Vì sao trong đây không nói về tác ý thứ bảy gồm thâu nhau?”

Đáp: Vì tác ý thứ bảy là quả, còn bốn tác ý này và sáu tác ý trước đều là nhân. Nhân có thể nhiếp thọ nhau, chứ chẳng phải quả, nên không gồm thân tác ý thứ bảy. Trong đây lấy bảy nhiếp bốn mươi, nên chỉ nhiếp thọ bốn. Tác ý thứ mười một kia, vẫn dưới đây sẽ dùng bốn mươi nhiếp bảy, tức có bốn mươi tác ý trong bảy gồm thâu hết nghĩa. Nay dùng bảy gồm thâu bốn mươi, chứ chẳng phải bốn mươi gồm thâu bảy, nên có không hết, không gồm thâu khác nhau, cần phải xem xét.

Từ đây trở xuống, là thứ hai, nói về bảy tác ý, lìa dục sơ tĩnh lự trở lên, cho đến Vô sở hữu xứ, trong đó chia làm ba:

1/ Nêu Sơ định, so sánh chung đực trên đều có bảy tác ý.

2/ “Nếu đối với có Tâm, có Từ v.v...” trở xuống, là dựa vào Định trên, lìa Định dưới, có bảy tác ý.

3/ Lại, tương thô kia. Trở xuống là nói dựa vào hai thứ tương thô Tâm, Từ của sáu sự, y cứ trong giải thích riêng, người đã chứng nhập, đã được, vấn đề này có hai giải thích:

1- Thân ở cõi Dục, vì nhập Sơ định, nên gọi là đã chứng nhập; vì sinh lên Địa kia, nên gọi là đã được.

2- Vì chính thức ở Định, nên gọi là chứng nhập, dù không nhập vào được, nên gọi là đã được. Nếu ở Địa Định, cho đến đây gọi là Từ. Pháp sư Cảnh nói: “Hạnh Tâm, Từ này vì đã có thô, tế nên không được cùng sinh. Chánh tư duy trong tám chánh đạo là Tâm. Tâm lấy Tư và tuệ làm tánh. Chánh kiến cũng là tuệ. Không có hai tuệ trong một niệm, đều là nghĩa chỉ có thể nói là hai, cũng có thể chánh tư duy lấy Tư làm tánh; chánh kiến dùng tuệ làm Tánh, với thể riêng đều sinh.

Pháp sư Thái nói: “Danh ngôn có công năng giải thích pháp, ý có công năng phân biệt pháp. Tâm đều có ý thô, cũng có công năng phân biệt pháp. Phân biệt nghĩa pháp giống như danh ngôn, nên gọi là ý ngôn.”

Lại giải thích “Ngôn là ngôn tư duy, chứ chẳng phải ngôn ngữ. Ý và tánh của tư, gọi là ngôn “câu hành”, gọi là ý ngôn.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Danh, Tự nói thể của Danh là thô. Ý Tâm hay tư duy các pháp giống như danh ngôn, nên nói là tánh của ý ngôn. Lại, ngôn thuyết gọi là ngôn danh; tư duy gọi là ý danh; Tâm là Tư duy danh, nên gọi là ý ngôn. Tâm, Từ của Tiểu thừa tương ứng với căn bản.”

Có người nói: “Nay, Đại thừa không như thế, Tâm, Từ chỉ ở phương tiện”, là không đúng. Chỗ khác lại nói rằng: “Trong định không có Tâm, Từ, không phát ngôn ngữ tâm tư chứ chẳng phải không có

Tâm, Từ tế. Lại, phân biệt không có năm chi tinh lự căn bản lập chi. Lại, chính rõ biết Tâm, Từ như thế là pháp tánh bình đẳng của tâm. Nghĩa là chỉ hiểu Tâm, Từ là tánh của tâm sở cùng sinh với tâm, không hiểu Tâm, Từ tự được tương ứng, nương tựa vào trong mà sinh, thế là pháp trần, thuộc về xứ ngoài.

Lại, chính thức biết rõ Tâm, Từ như thế thuộc về ba đời. Từ nhân duyên sinh cho đến theo đuổi các dục v.v... Nghĩa là quán Tâm, từ của sơ tinh lự tán, động, không tĩnh, theo đuổi các Dục và thuộc về phần ít ly sinh, hỷ lạc.

Thứ ba trong văn nêu: “khổ trụ tăng thượng.” Pháp sư Thái nói: “Hữu tình của địa dưới đã trụ năm uẩn, kể cả bốn uẩn, vì khổ tăng thượng nên gọi là khổ trụ”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Nghĩa là địa dưới dừng lại ở khổ tăng thượng.”

“Lại nữa, người lìa dục trong đây..” Trở xuống, là thứ hai, nói rộng về tám định, sau, y cứ ở tinh lự và Vô Sắc đối nhau nói khác.

Trong phần trước, đầu tiên, là giải thích về lìa dục trong sơ tinh lự, pháp ác bất thiện có tâm, có từ, ly sinh hỷ, lạc, nhập tinh lự, an trụ đầy đủ.

Hai dục, hai ly... Nghĩa là tham gọi là dục phiền não; năm trần gọi là sự dục, lúc đối trị khởi với không tham, đều gọi là với tương ứng với lìa nhằm trái với năm trần, gọi là lìa cảnh giới.

Nói ly, nghĩa là vì đã đạt được tác ý rất ráo gia hạnh, vì được Vô gián thứ chín, nên lìa được các pháp bất thiện, nên gọi là lìa.

Nói sinh, là do sinh này làm nhân duyên Vô gián mà sinh, nên nói lý sinh, nghĩa là vì đã được đạo Vô gián thứ chín lìa hết dục ác. Từ Vô gián này được tác ý của quả rất ráo gia hạnh đều cùng lúc có hỷ, lạc sinh. Nói hỷ, lạc, nghĩa là vì đã đạt được nghĩa đã mong cầu, nên ngang bằng.

Pháp sư Cảnh nói: “Lạc là hỷ thọ, chẳng phải số ý (khinh an). Nghĩa là Hỷ thọ này làm cho thân thích hợp, vui vẻ gọi là lạc.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Đây là y cứ đạo giải thoát thứ chín của lợi căn người nhập căn bản tinh lự, nên nói là sinh hỷ lạc. Nếu đạo giải thoát thứ chín của người độn căn thì ở định Cận phần về sau, mới nhập được căn bản, khởi sinh hỷ lạc, cho đến bảy ngày bảy đêm, có thể chính an trụ.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Nói về nhập định, có thể đến bảy ngày, đêm mới an trụ. Vì sao không nói nhiều thời gian, mà chỉ nói bảy ngày?

Vì rằng đoạn thực trong cõi Dục trải qua bảy ngày. Nếu quá bảy ngày xuất định, thân người kia liền hư hoại; Vì thế, không được trải qua thời gian lâu. Và lại, được ngăn ấy thời gian mới nhập diệt định, không bỏ nhiều năm, tháng. Nếu quá bảy ngày rồi xuất định, thì thân người kia sẽ bị hư hoại. Nếu xuất định trong bảy ngày thì thân thọ sẽ không hư hoại.

Nay, y cứ vào thời gian không hư hoại để nói, chỉ nói bảy ngày.

Hỏi: “ Quá bảy ngày rồi nhập diệt định. Nếu vậy, khi xuất định, lẽ ra sẽ chết? “

Nghĩa rằng: “ không đúng! Nhập trong nhiều giờ, vì nhờ sức định giữ gìn nên không chết. Nay, cũng xuất định, tức vì nhập định hữu tâm, nên cũng sẽ không chết”.

Hỏi: “ Cũng xuất diệt định, vì diệt định không giữ lấy thân, nên thân sẽ bị hư hoại hay không hư hoại ư?

Đáp: Hư hoại!

Kế là, giải thích về nội đẳng tịnh trong tĩnh lự thứ hai. Luận Tiểu thừa cho là tĩn. Lúc được định thứ hai, tĩn biết cả phiền não của Địa định đều có thể lìa, nên tĩn được nói rõ ràng. Nay, trong Đại thừa dùng xả niệm, chánh tri, lìa đoạn tâm, từ, gọi là Nội đẳng tịnh. Lại do tâm hỷ dao động, phẩn khởi, không yên tĩn, nên không được gọi là xả niệm, chánh tri.

Trong quyển hai mươi bảy có văn nói về định sanh: Định sinh này khác với sơ tĩn lự. Sơ tĩn lự kia gọi là Ly sinh; Đây gọi là Định sinh. Sơ tĩn lự kia được đầu tiên lìa cõi Dục, gọi là ly sinh. Đây là y cứ ở trước đã được định, nên nói là định sinh.

Nói hỷ lạc nghĩa là đã đạt được nghĩa mong cầu, v.v... định lạc Sơ, Nhị ở trước đều là Hỷ thọ, nghĩa chia làm hai: Nếu để cho bên thích hợp vui vẻ của A-lại-da thì gọi là lạc; còn khiến biên ý thức thích hợp, vui vẻ, thì gọi là hỷ. Ở trước, mong cầu hỷ, lạc, tu định thứ hai. Giờ đây, đạt được nghĩa mong cầu. Pháp sư Thái nói: “ Hiểu tường tận chỉ thú của luận này, thì tâm, từ chỉ ở định Vị Chí gián đoạn khởi. Nay, khi được định phương tiện thứ hai cũng không có tâm, từ nên nói vượt qua. Từ sơ định căn bản Vô gián mà sinh hai định phương tiện, nên gọi là định sinh.

Trong giải thích tĩn lự thứ ba, xả niệm, chánh tri đều đối trị hỷ, không đồng với chánh tri của luận Tiểu thừa, bảo vệ niềm vui của đương địa.

Pháp sư Thái nói: “Trong hai định đầu, đều không có lìa hỷ, lạc

và khiến cho ý thức nhóm không có phân biệt lạc. Tuy có xả thọ, nhưng với tâm, từ, hỷ gián đoạn khởi, chứ chẳng phải Vô gián xả.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tĩnh lự thứ ba trở xuống, là không có niềm vui như thế và Vô gián xả, nghĩa là trở xuống có thể của lạc là hỷ, thân, tâm thích hợp, vui vẻ là khác nhau. Nay, tâm thích hợp vui vẻ trong tĩnh lự thứ ba cũng gọi là lạc, vì niềm vui cùng cực, nên nói là địa dưới không có niềm vui này. Trong địa dưới dù có xả, nhưng không phân biệt rõ danh. Lại, vì có gián đoạn, chẳng phải Vô gián xả, nên nói không có. Chẳng phải xả có gián đoạn cũng không có gọi là không có xả.”

Trong giải thích tĩnh lự thứ tư nói: “Lại nữa, vì thế của chủng loại đối trị trong đây giống nhau, nên cho khiến không xuất ly lạc v.v... vượt hơn trong địa tĩnh lự thứ ba, đây là giải thích cách giải thích trong kinh về ba tĩnh lự dưới đều có phân biệt chi của chủ thể đối trị. Đối với địa tĩnh lự thứ tư kia chỉ giải thích về tác dụng đối trị năng lia khổ, vui không ngoài thể đối trị, do thế của chủng loại đối trị tĩnh thứ ba giống nhau, nên lược qua không nói.

Dưới đây, phát ra tướng đối trị giống nhau cái gọi là xả niệm, chánh tri. Đây là xả niệm trong phần thắng tấn của địa tĩnh lự thứ ba nhằm chán niềm vui của địa mình, mong cầu định không khổ, không vui, thứ tư. Cho nên, có chung xả niệm, chánh tri. Nếu chính thức phát ra thể đối trị trong định thứ tư kia, thì chỉ là niệm chánh tri, vì bỏ đi niềm vui của địa dưới, nên nói rằng, thế của đối trị trong đây là giống nhau, nên lược qua không nói về niềm vui đoạn đối trị, mà chỉ nói là đối trị đã tạo nên sự ưa đoạn v.v...

Pháp sư Thái nói: “Những gì gọi là chủng loại đối trị của định thứ tư này? Nghĩa là xả niệm chánh tri trong định thứ ba, vì chính trong định thứ ba này thường tu tập, nên nhập định thứ tư, tức là hay bỏ niềm vui vượt hơn trong định thứ ba. Niềm vui trong định thứ ba có thể khiến hành giả không xuất định thứ ba, vì trong bỏ phương tiện kia, chỉ nói đối tượng trị, không nói chủ thể trị. Do nghĩa này nên trong kệ kinh nói rằng: “Do ưa đoạn, nên tu định thứ tư, lúc bấy giờ đã có khổ, vui đều được tiêu diệt. Do niềm vui của định thứ tư vì quyết định nhân duyên ưa đoạn. Hoặc nổi khổ của hai định ở trước đoạn; hoặc niềm vui của bốn định hôm nay đoạn, nói chung, khi định thứ tư vui đoạn, khổ đoạn lo mừng ở trước mất. Chữ “tiên” (trước) trong kinh ấy là hướng lên địa trên, hướng xuống địa dưới. Hướng lên địa trên mà nói là khổ đoạn; hướng xuống địa dưới mà nói ưu, hỷ mất.”

Pháp sư Khuy Cơ nói “Xả niệm, chánh tri trong đây, gọi là chủ thể

đối trị. Niềm vui của thiền thứ ba, gọi là đối tượng đối trị. Trong kinh chỉ nói niềm vui bị dứt trừ, không nói là người năng đoạn Xả chánh tri, là vì thiền thứ ba đã nói về pháp hay đối trị Cã niệm v.v... với pháp hay đối trị của đệ Tứ thiền này giống nhau, nên gọi là chủng loại, vì danh thể giống nhau, nên nói là chủng loại. Vì đều là hai xứ dứt “hoặc” giống nhau, nên nói là thể giống nhau, vì lược qua nên không nói”.

Trong giải thích kinh này không nói về lý do của chủ thể trị thứ tư.

Nói là do, tức ở đây vì trường hợp tu tập nên tức là hay loại bỏ, khiến cho không xuất ly Tĩnh lự thứ ba. Vì niềm vui vượt hơn trong Địa tĩnh lự thứ ba, cho nên nói là do vì niềm vui dứt.

Trong đây, niềm vui trói buộc Tĩnh lự thứ ba, buộc ràng hành giải, làm cho không xuất ly Tĩnh lự thứ ba, không thể được định thứ tư trung thượng kia. Nay, thường tu tập xả niệm v.v... có thể loại bỏ niềm vui của Định này.

Nói: “Do nhân duyên này, hoặc ở trước đã dứt, hoặc nay đang dứt, nói chung là vui dứt khổ dứt, lo mừng ở trước mất. Nghĩa là vui dứt, gọi là nay dứt; thọ căn khác, gọi là ở trước đã dứt, nên trị hạ, trung phú nói: “Cho đến khi nhập sơ Tĩnh lự, ưu thọ mất”.

Trong đây, như quyển mười một trước nói: “Vì sao khổ căn trong sơ Tĩnh lự, nói là chưa dứt ư?”

Vì sự thô nặng của Phẩm kia vẫn còn chưa dứt.

Nếu thân ở cõi dưới thì có thể như thế. Vì sao người ở Sơ Tĩnh lự, khổ căn chưa dứt mà chưa hiện hạnh? Vì giúp đỡ kia, các khổ thuộc ưu căn đối nhau, người kia đã dứt, nên chỉ sự thô nặng kia mà chưa thể dứt. Nếu khổ căn trong Sơ thiền dứt, thì đây là hành giả nhập Tĩnh lự Sơ, Nhị, thọ địa vị sai khác sở tác, đối tượng tạo tác nên không có. Do cả hai đều cùng có Hỷ, Lạc, nên không có khác nhau, chỉ vì thô nặng mà chưa dứt, nên nói là có khác nhau. Nhưng trong kinh nói: “Do phát ra các Định thọ có khác nhau.”

Hỏi: “Chỉ do Tầm, Từ dứt không dứt, đâu không được khác nhau? Vì sao cần phải dứt khổ căn, mà nói là có khác nhau?”

Nghĩa là: “Tầm, Từ đối với hỷ, lạc vì chẳng che lấp nhau, nên không được vì dứt Tầm, Từ mà nói là hỷ khác nhau. Hỷ của Sơ thiền kia vì có khổ căn, nên chưa nói là thắng lợi. Hỷ của đệ Nhị thiền vì đã dứt khổ, nên hỷ đó tịnh vượt hơn. Nếu vì “có” “không” Tầm, Từ mà nói là khác nhau thì pháp “có”, “không có” vô lượng không đồng, thiền kia đâu khác nhau. Nay vấn nạn trái lại, rằng lạc, hỷ thọ lẽ ra không khác

nhau? Vì gốc khổ đồng với hỷ, lạc v.v... vì thọ nên che lấp nhau? Nếu không lấy dứt gốc khổ làm hỷ của thiền Sơ, Nhị, thì hỷ, lạc v.v... của thiền Sơ, Nhị sẽ khác nhau.

Trước kia khi Sơ thiền đã dứt khổ, nên đoạn thô nặng này, còn hạt giống kia không nói rằng: “Do đối với hư không khởi thắng giải, nên lỗi đầu tiên là nhãn thức như xanh, vàng v.v... tương ứng với tướng. Kế là nhĩ thức, thân thức và tướng có đối của ý thức v.v... “duyên” năm căn; ba của lỗi của tính lự thứ tư trở xuống, là “duyên” các thứ tướng của thức uống, ăn, bình, y v.v... cho đến dưới đây nói: “Phải biết rằng, trong đây dựa vào định cận phần chưa nhập căn bản, chỉ “duyên” hư không v.v...” Đoạn văn này nói Định không xứ nhất định có tên từ phương tiện. Lại, trong cận phần cũng “duyên” tất cả các uẩn Địa dưới: Nghĩa là dưới đây, “duyên” Hiển sắc trong tính lự thứ tư v.v... cũng tạo nên quán xanh, vàng v.v... Vì dựa vào quán này, nên có sắc tự tại của định. Pháp sư Thái nói “Y cứ ở Hiển sắc để phân biệt về sự xuất ly siêu việt; y cứ ở sắc hiện tại để nói về tướng có đối; y cứ vào tụ hình khác nhau để nói các thứ tướng. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trong các thứ lớp đó, cho đến không tác ý chuyển v.v... đây là y cứ thân ở địa dưới, dựa vào xứ hư không khi loại trừ tướng sắc, đối với cảnh sắc cõi Dục cũng dứt trừ, nên nói là nhà vườn v.v... chẳng phải thân sinh ra dục cõi Sắc, nhập hư không mà có sự dứt trừ này. Phải biết rằng, văn dưới trong đây, nghĩa là thuật lại rằng: “Tính lự thứ tư trở lên, trong đó, tác ý thứ bảy của chín đạo giải thoát chỉ ở trong định căn bản. Người mới được đạo giải thoát kia, vào thời gian một sát-na này, chỉ “duyên” các uẩn của Địa mình. Người với tâm sát-na thứ hai, được “duyên” uẩn của địa trên, địa dưới. Nay, vì y cứ ở đạo giải thoát của sát-na trước nhất để nói, nên nói là “cũng duyên” các uẩn của Địa mình. Nếu chín đạo Vô gián trước của Định cận phần thì chỉ “duyên” Địa dưới, vì sinh nhàm chán nên nói: “ cũng “duyên” các uẩn mà Địa dưới đã có. Tám đạo giải thoát ở trước cũng “duyên” các uẩn của Địa trên, địa dưới. Nay, vì nói theo đạo Vô Gián, nên nói: “Cũng “duyên” các uẩn của Địa dưới, mà chỉ không ngăn ngại Định cận phần và căn bản, chỉ “duyên” các uẩn của Địa trên, dưới và Địa mình. Đối với tám đạo giải thoát của Định Cận phần không nói là biện luận về chín Vô gián, nên nói “duyên” uẩn của Địa dưới. Đối với định căn bản, nói là một sát-na ban đầu tiềm ẩn sát-na thứ hai, vì dứt trừ nên nói: “ Cũng “duyên” uẩn của Địa mình, cho nên, trong văn luận không nói, chỉ “duyên” uẩn v.v... của Địa mình, mà nói cũng “duyên”. Đạo giải thoát Vô gián này, như đã giải thích trong Sơ thiền ở

trước. Nếu so quyển thứ hai của Đối Pháp với luận Hiển Dương thì trái nhau. Như với luận Hiển Dương kia có Đại sư giải thích: “Luận sư Bị thuật lại cách giải thích của Ngài Tam Tạng: “Người khởi Không Định, có ba hạng:

1/ Bậc thánh được nhập định căn bản, “duyên” chung từ Địa trên, kể cả hư không.

2/ Nội Phạm phu, khi nhập định căn bản, nhờ sức huân tập nghe ở trước, nên “duyên” Địa trên và hư không.

3/ Ngoại đạo nhập bản định kia, dù “duyên” bốn uẩn của mình, và người, không “duyên” Địa trên chấp hư không định là quả cùng tột. Nay vì y cứ ngoại đạo, nên nói thế này: “Luận chủ của Đối Pháp cũng tạo nên cách giải thích này: Trong giải thích về Thức xứ quán Không xứ, nghĩa là muốn thực hiện quán thức Vô biên, trước hết phải nương tựa định Cận Phần của Thức xứ, quán nơi Không xứ. Vì đối tượng quán hư không đã vô biên, nên chủ thể “duyên” Không thức cũng vô biên. Nhân đây, tức quán thức Thức đương địa cũng vô biên. Nếu nhập Thức xứ căn bản thì tức là quán chung bốn uẩn của đương địa và bốn thức v.v...

Trong giải thích về Vô sở hữu xứ, nghĩa là Vô sở hữu xứ thật sự có bốn uẩn và sắc của định tự tại v.v... mà đã tạo bốn uẩn kia đều không có thắng giải của cảnh khác, nên có tác ý giả tưởng, lừa thức, lại không có một ít ngần ấy cảnh giới, nên nói rằng không có một ít sở hữu. Pháp sư Thái nói: “Vì tạo ra không có cảnh giới, nên có Vô Tướng đương tâm hiện rõ, dựa vào cái khác khởi gồm thâu. Luận Phật Địa chép: “Về lý chân thật, không có gồm thâu Viên Thành Thật; đối tượng mà tâm hiện, không có gồm thâu tánh y tha .”

Trong giải thích Hữu đẳng. Theo Pháp sư Cảnh giải thích vượt qua hai tướng, gọi là phi hữu tướng:

1/ Có tướng sở hữu.

2/ Không có tướng sở hữu.

Vượt qua Thức xứ trở xuống, là vì có tướng sở hữu, nên nói rằng: “hoặc có tướng sở hữu”. Lại, vì vượt qua tướng của Vô Sở hữu xứ, nên nói rằng: “hoặc không có tướng sở hữu.” Không có hai tướng kia, gọi là phi hữu tướng. Vì có tướng tế, chẳng phải như các tướng của hai định vô tâm đều không có, gọi là phi vô tướng.

Nói “duyên” cảnh vô tướng chuyển. Nghĩa là cảnh giới sở duyên của tâm phi tướng không có tướng mạo thô, gọi là “duyên” vô tướng, chẳng phải cho rằng chỉ “duyên” Diệt Đế, gọi là “duyên” vô tướng.

Pháp sư Khuy Cơ giải thích trong đây có ba:

1/ Chính nói muốn khởi định trên, nhằm chán Vô Sở hữu xứ mà là tướng thô, tức bắt đầu từ “Lại, chẳng đến bèn có thể từ bỏ tướng Vô sở hữu đến nay.”

2/ Giải thích danh từ Phi tướng, Phi phi tướng, trong đó có hai.

a) Giải thích Phi hữu tướng.

b) Giải thích Phi Vô tướng.

Bắt đầu từ “Do nhân duyên này trước khi nhập định Vô Sở hữu xứ trở xuống, là đến cho rằng: “hoặc có tướng sở hữu, hoặc không có tướng sở hữu đến nay”, là nói Phi hữu tướng; Thức xứ trở xuống, là có tướng sở hữu. Vô Sở hữu xứ là không có tướng sở hữu, cho nên nói rằng: “Phi hữu tướng, tức chẳng phải có tướng sở hữu và không có tướng sở hữu, nay, chẳng phải có hai tướng trước trong Hữu đẳng.

Trong Phi hữu tướng có hai hữu tướng xong. Nay, cũng chẳng phải hai vô tướng trong Phi vô tướng, cho nên y cứ phần thứ hai trong đoạn lớn thứ hai, kể là nói về Phi vô tướng.

Vô tướng có hai:

1/ Định vô tướng.

2/ Diệt tận định.

Hai tâm định này đều diệt tận. Nay vì Hữu đẳng không như vậy, nên nói là phi vô tướng, tức chẳng phải hai tướng định.

Trong Hữu Đẳng kia có tướng vi tế. Thứ ba, là nói về thời gian của Hữu đẳng kia vượt qua Vô Sở hữu xứ v.v... cõi dưới, và Cận phần của xứ mình mà nhập căn bản. Nghĩa là tức ở xứ này lúc khởi thắng giải trở xuống.

Thứ ba trong giải thích hai định vô tâm. Pháp sư Cảnh, giải thích: “Đầu tiên thuộc tướng hai người nhập hai định khác nhau, nghĩa là định vô tướng chỉ nhằm chán về tướng, tạo nên tướng xuất ly, tu đoạn dần theo thứ lớp có thể nhập. Nếu định diệt tận từ tâm Phi Tướng cầu tiến lên. Lúc tâm tiến lên, cầu đối tượng duyên cõi trên, rốt ráo không có sở đắc. Vì không có sở đắc, nên tức là tạm thời thôi dứt tác ý thọ, tướng, tư duy từ thô đến tế, chín phẩm diệt dần, diệt mà không chuyển.

Định Diệt tận trong hai định này, nghĩa là mới khởi trong thân cõi Dục. Do cõi Dục có giới pháp, nương tựa giáo pháp tu hành, nên được khởi đầu tiên. Về sau, dừng lại ở bốn định và sinh ở bốn không, đều được khởi sau.

Định vô tướng. Quyển sáu mươi ba nói: “Trước kia ở định vô tướng này khởi, về sau, ở cõi Sắc khởi lại hiện ở trước”. Câu-xá chép: “Hai cõi, đầu tiên, khởi diệt định, chung với nghiệp định, bất định sinh

ở sau.” Môn nghiệp của Đại thừa nói về nghiệp ba thời và nghiệp bất tịnh đều thông suốt định và bất định.” Theo văn của Quyết Trạch, tất cả La-hán khi sắp vào vô dư, thì phải nhập diệt tận định. Diệt sáu thức tâm, chỉ dừng lại ở Lại-da mà qua đời.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Hữu học như thế, đã lia tham Vô Sở hữu xứ, đây là y cứ ở dứt “ hoặc đắc chứng.” Văn chỗ khác nói: “ chỉ người mới khởi diệt định của cõi Dục, đây là y cứ ở “duyên” giáo. Nếu khi sơ học, tất nhiên phải nương tựa cõi Dục. Về sau, lúc mới khởi, ở cõi Sắc cũng được. Như người chứng quả thứ ba, lúc ở cõi Dục ở trước chưa được định này, khi sanh về cõi Sắc rồi mới được định này. Nhưng do do ở trước ở cõi Dục, đầu tiên nghe giáo này, về sau, ở cõi Sắc mới sinh”.

Thứ tư, nói trong năm thông, đầu tiên nói lược, trước phải được tinh lự căn bản . Về sau, dựa vào tu thông suốt chánh pháp, lắng nghe, thọ trì. Đầu tiên, dựa vào tác ý văn tư, mà tư duy; kế là, nương tựa vào tác ý của địa định, biết rõ pháp nghĩa. Do biết rõ pháp nghĩa, tu trị tâm mình, phát sinh tu quả, Pháp sư Thái nói:” Có thời, có phần, nghĩa là phần ít thời gian, nên nói rằng có phát sinh tu quả trong phần vị thời gian.”

“Lại, tức biết rõ như thế về nghĩa về pháp” trở xuống, là thứ hai, giải thích rộng, trong đó, trước là nêu chung mười hai tướng; kế là, giải thích riêng; sau tổng kết tu tướng dẫn phát năm thông v.v...

Y cứ trong giải thích riêng, chia mười hai tướng thành năm loại. Dựa vào năm tướng ban đầu, tu Thân, Cảnh, Thông; Dựa vào tướng thứ sáu, tu Túc trụ thông, dựa vào tướng thứ bảy, tu Thiên nhĩ thông, dựa vào tướng ánh sáng, tu sinh, tử trí thông; dựa vào tướng thứ chín, tu tâm sai khác thông; dựa vào ba tướng giải thoát Thắng xứ, biến xứ sau, tu chủ thể dẫn các Thánh thần thông và chủ thể dẫn phát các thứ công đức bốn Vô ngại giải của Vô chánh nguyện Trí. Như Đố-la-miên, nghĩa là chiếc kén của giả tâm, gọi là Đố-la-miên. Lại, theo phương pháp của phương Tây, phần nhiều trải cỏ trên mặt đất để ngồi, hoặc như nung luyện thành thực, nghĩa là khi muốn có bộ lông thích hợp, tướng luyện lông, gọi là như luyện thành thực.

Thân tâm thuận hợp. Pháp sư Cơ nói “Tức thân đều có thể biến hóa. Nếu biến tức thân nghiệp; nếu hóa tức tâm biến hóa.

Tướng Thắng giải, nghĩa là tức thuận về luận Tiểu thừa, với ý hiểu xa, làm thành hiểu gần v.v... Pháp sư Cơ nói: “Xa làm nên hiểu gần, nghĩa là nắm lấy dài làm ngắn. Gần, tạo ra hiểu xa, nghĩa là kéo ngắn làm cho dài ra, hiểu về tướng thô, tế là biến hình chất, tướng đất,

nước, tạo ra là biến bốn đại. Trong đây chỉ nói hai biến hóa là sắc, tinh, không nói trần khác, như luận Phật Địa giải thích rộng. Hoặc do một thân thị hiện nhiều thân, nghĩa là do tướng thắng giải hiện hóa, vốn chỉ một thân, lại từ tâm hóa, hóa hiện nhiều thân. Hóa tâm thông là thuộc Thần cảnh thông.

Hoặc từ nhiều thân thị hiện một thân, nghĩa là vì thắng giải của ẩn hóa. Ngày trước hóa hiện nhiều thân, nay do thắng giải ẩn hóa, ẩn nhiều thân, chỉ để lại một hóa thân. Hai thân này do tướng thắng giải mà thành. Hoặc vì hân kia xuyên thẳng qua các tường vách không có trở ngại, thậm chí như đi trên đất liền. Đây là do tướng không giới mà thành. Hoặc như chim bay v.v... Đây là do tướng nhu nhuyễn cất lên nhẹ nhàng mà thành.

Đối với Phạm Thế, một phần tạo sắc của các bốn đại-chủng tự tại hồi chuyển. Cảnh pháp-sư nói: “Sắc tạo có cả mười. Nay, chỉ thay đổi sắc trần, hoặc đồng với loại kia, hoặc không đồng loại, cho nên nói rằng: “Một phần sắc tạo.”

Thối Pháp-sư nói: “Hai thứ hồi chuyển:

1/ Người có thân-thông, thân qua lại tự tại.

2/ Chủ thể chuyển biến một phần sắc tạo của Phạm-thế, hoặc xanh, hoặc vàng; tự tại hồi chuyển, chứ chẳng phải chuyển đổi một phần của tất cả lời nói.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Một phần sắc tạo, nghĩa là hai thứ sắc, mà tinh, nên nói là một phần; không hồi chuyển xúc và nắm căn v.v... vì chỉ cảnh ngoài, nên nói một phần. Lại, tùy theo đối tượng biến của định, chỉ có hai, biến một phần, không thể chuyển biến tất cả Phạm-thế, nên nói một phần.”

Trong tướng thứ sáu nói: “Nghĩa là do tướng này từ phần-vị đồng tử cho đến nay, tùy theo sự nhớ nghĩ nguyên biến, như Luận Tiểu thừa nói là lúc tức trụ thông, trước, từ hiện thân già, tìm lùi về trung, niên, thiếu-niên, đồng tử, trẻ con, cho đến thân trước chết, có Túc-trụ thành. Nay, ở đây vừa nói rằng từ phần-vị đồng-tử đến nay, nghĩa là vì y cứ ở phương xa, nên nói như thế. Nếu niệm sau hình thành, thì sẽ xuất phát từ hiện thân hướng về trước tìm kiếm dần, cho đến biết được Túc-trụ của tử Uẩn mới thành, cho đến đối-tượng thọ hành ở trước theo thứ lớp không có vượt qua sự nhớ nghĩ biết rõ, nghĩa là y cứ vào lúc mới tu, cần phải theo thứ lớp từ sau tới trước. Nếu biết lại, hoặc theo thứ lớp, hoặc vượt qua tất cả đều biết.

Môn phải kỳ hạn trong tướng thứ bảy, mọi thứ đều thành chỗ đã

cố gắng được gọi là chúng nghĩa ấp, hoặc chỗ rộng, dài. Pháp sư Thái nói Người phương Tây có hai thuyết:

1/ Chỗ chợ mua bán.

2/ Chỗ trẻ con nô đùa. Pháp sư Cơ cũng đồng với thuyết này.

Lại giải thích: “Lại, vì chỗ rộng, dài, lớn, mọi thứ cũng vô lượng, với ý lấy số nhiều.”

Trong tướng thứ tám, Nghĩa là hoặc vách, núi che khuất, hoặc chỗ quá xa xôi, tạo ra tướng ánh sáng soi rọi chỗ sở-tri, tướng, thấy rõ ràng. Lại, lấy thiện, ác được khổ, vui, dẫn tu sinh tử trí thông, thấy phương-tiện kia kia của sinh tử, chỗ kia kia của hữu tình kia, từ cảnh mà đặt tên.

Trong tướng thứ chín, nghĩa là hiểu rõ sắc-tướng của hữu-tình như hữu tham v.v... đổi thay khác. Ở đây, vì phần nhiều tu tập, nên phát sinh trí khác nhau của tâm tu quả từ cảnh đặt tên, cũng là công năng đặt tên. Pháp sư Thái nói: “Về lý, Nghĩa, sự của chúng sinh đều có tối tăm, nên nói rằng sự Nghĩa tối tăm. Lời nói được phát ra từ miệng, chẳng được thể gian ưa chuộng, vì thường đặt ra lời nói xấu xa mà không có gì để kế thừa, nên gọi là quê mùa.

Trong ba tướng sau, văn chia làm hai:

1/ Nói tu ba tướng, nên dẫn phát thần thông của bậc Thánh v.v...

2/ Nói thần thông của bậc Thánh, phi Thánh khác nhau.

Trong phần trước, tướng giải thoát Thắng xứ, Biến xứ, nghĩa là trong có tướng sắc, quán sắc ngoài, trong không có tướng sắc, quán sắc tịnh xanh, vàng v.v... Hoặc trong Thắng xứ, quán bên trong không có tướng sắc, quán một ít v.v... sắc ngoài. Hoặc trong Biến xứ, quán tướng đầy khắp xanh, vàng v.v... vì đối với tướng này, gần gũi tu tập, phần nhiều tu tập, nên có thể dứt trừ mọi bít lấp đã gây chướng ngại cho thần thông, có thể dẫn phát hơn hết thần thông của các bậc Thánh. Hoặc biến sự thông; hoặc Thắng giải thông. Biến là thể của thông; hóa là quả của Thông, cũng gọi là thần thông.

Thắng giải thông: nghĩa là xa tạo ra hiểu gần, trong khoảnh khắc duỗi cánh tay là đến Sắc Rốt ráo. Và tướng đất thành nước v.v... gọi là Thắng giải. Bốn vô ngại giải của Vô tránh nguyện trí cũng nhân tu tập giải thoát v.v... trừ ngu cảnh giới mới có thể thành xong, cũng có thể có tướng trạng chuyển biến của vật thể, gọi là biến; không bỗng nhiên mà có, gọi là hóa, thắng giải, như trước đã giải thích.

Dưới đây, giải thích khác nhau, Luận Trí Độ cũng thế. Hoặc có nghĩa riêng, thông thường sự hóa không quá bảy ngày; Bậc thánh lại

quá, có thể dẫn chứng Luận Trí Độ kia.

Từ đây trở xuống, là tổng kết, y cứ quyết trạch nói về năm thông đều là thế trí, cũng có thể điều mà người học được là hữu lậu, vì chưa hết lậu. Vô học vì lìa cái được trong thân lậu, nên cũng gọi là vô lậu.

Thứ năm nói về tu Định tịnh thế gian, sinh trong chỗ khác nhau. Pháp sư Cảnh nói: “Giải thích rằng: Ba tầng trời của Sơ định, từ lìa nhiễm cõi Dục làm tên, đều gọi là Phạm. Trời thứ hai, thứ ba từ ánh sáng của thân mạnh, yếu mà đặt tên; Trời thứ ba từ tịnh, lạc đã được khắp thân. Không khắp thân đặt tên. Tĩnh lực thứ tư, Thiên tịnh liệt cư đều là Địa Vô Vân, đầu tiên được mang tên ấy, gọi là trời Vô Vân.

Trời thứ hai được mang tên từ ruộng phước hơn hết. Trời thứ ba, từ quả đã được mà đặt tên.

Kế là, Năm tầng trời Tịnh cư, do huân tu tạp nhạp nghiệp hữu lậu, vô lậu, sinh năm tịnh xứ, Không xứ định tùy theo ba người tu riêng thiện hạ, trung, thượng, sẽ sinh không xứ, thọ ba quả khác nhau, cho đến Phi tưởng cũng thế.

Trời kia gọi là trời Tùy hành, nghĩa là do các trời kia không có hình sắc, cũng không có nơi chốn. Nhưng chỗ cư trú có khác nhau: Bốn định được báo tùy theo phẩm hạ trung thượng đã tu hành mà sinh lên tầng trời kia, được quả báo hơn, kém, gọi là trời Tùy hành.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trời Sơ thiên gọi là Phạm, phạm là thanh tịnh. Vì đầu tiên lìa dục, nên được tên Tịnh, nghĩa là do được niềm vui vượt hơn, nên vui vượt hơn được gọi là Tịnh.

Thiên thứ tư, là ba tầng Trời Phạm Thánh ở chung . Đầu tiên được mang trời Vô Vân tên, các trời khác, tùy theo phước tăng mà đặt tên, tên của năm tầng trời Na-hàm.

Trong giải thích cõi Vô Sắc nói rằng, trong chúng đồng phần của Trời Tùy Hành, nghĩa là các tầng trời của cõi Vô Sắc không có chỗ thọ báo riêng, vì ba phẩm Tùy hành thì thọ báo này, nên nói là trời Tùy hành. Nhưng ở đối tượng tạo tác có khác nhau, nghĩa là nghiệp của ba phẩm tạo nên có khác nhau.

Nay, Cách hành văn này lại đồng với văn luận Tỳ-bà-sa: Bốn không của sơ Định tu nghiệp ba phẩm, thọ quả không khác nhau. Ba tĩnh lực sau, tùy theo tu nghiệp ba phẩm, thọ quả có khác nhau.
